

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HS-ST

Ngày: 16-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Ty

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Thanh Hải;

2/ Ông Nguyễn Xuân Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T), sinh năm 1967; tại Tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp A, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1922 (đã chết) và bà Ngô Thị O, sinh năm 1925 (đã chết); vợ Lê Thị Minh T, sinh năm 1968 và 03 con (lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2003); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/3/2020 đến ngày 29/3/2020. Từ ngày 29/3/2020 cho đến nay bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn B (tên gọi khác: B), sinh năm 1988; tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Ấp E, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp

E, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960 và bà Lương Thị T2, sinh năm 1966; vợ, con: không; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/3/2020 đến ngày 29/3/2020. Từ ngày 29/3/2020 cho đến nay bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn H, sinh năm 1970; tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Ấp E, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp E, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1939 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1940; vợ Lê Thị K1, sinh năm 1976 và 02 con (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2003); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/3/2020 đến ngày 26/3/2020. Từ ngày 26/3/2020 cho đến nay bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Vũ Thị X, sinh năm 1963; tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Ấp F, xã Minh Hòa, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp A, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha không rõ và mẹ bà Vũ Thị T, sinh năm 1939 (đã chết); chồng Võ Văn V, sinh năm 1961 và 05 con (lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1993); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/3/2020 đến ngày 29/3/2020. Từ ngày 29/3/2020 cho đến nay bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Vũ Công Đ, sinh năm 1970; tại tỉnh Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp G, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Công T3, sinh năm 1936 (đã chết) và bà Phạm Thị P, sinh năm 1950; vợ Vũ Thị T, sinh năm 1973 và 02 con (lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2000); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/3/2020 đến ngày 29/3/2020. Từ ngày 29/3/2020 cho đến nay bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Lê Văn H1 (tên gọi khác: H1), sinh năm 1969; tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp

A, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nông dân; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M, sinh năm 1932 (đã chết) và bà Đào Thị T, sinh năm 1935 (đã chết); vợ Trịnh Thị H2, sinh năm 1972 và 02 con (lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 1998); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/3/2020 đến ngày 29/3/2020. Từ ngày 29/3/2020 cho đến nay bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Lương Duy K, sinh năm 1970; tại tỉnh Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: Ấp E, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp E, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Tiến L, sinh năm 1952 (đã chết) và bà Lương Thị S, sinh năm 1952; vợ Hoàng Thị T6, sinh năm 1971 và 03 con (lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2004); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/3/2020 đến ngày 29/3/2020. Từ ngày 29/3/2020 cho đến nay bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Những người tham gia tố tụng:**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Võ Thị Mỹ T1, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: G156, tổ 25, khu Q, phường I, thành phố J, tỉnh Bình Dương. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 20/3/2020 tại quán cà phê Minh T thuộc ấp A, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương do Nguyễn Văn T làm chủ. Công an huyện Dầu Tiếng phối hợp với Công an xã C bắt quả tang 06 đối tượng gồm: Nguyễn Văn B; Lương Duy K; Nguyễn Văn H; Lê Văn H1; Vũ Công Đ; Vũ Thị X đang tham gia đánh bạc dưới hình thức Binh xập xám được thua bằng tiền. Các đối tượng trên sử dụng loại bài tây 52 lá chia làm 4 tụ, mỗi tụ 13 lá, mỗi tụ làm cái một ván lần lượt xoay vòng, đặt cược mỗi ván số tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Khi chia bài xong những người chơi xếp thành 03 chi trong đó 02 chi 05 lá, 01 chi 03 lá, nếu lật bài so sánh với người làm cái người nào thắng nhà cái 02 chi thì thắng được nhà cái số tiền đã đặt còn thua nhà cái 02 chi thì trả cho nhà cái số tiền đã đặt.

* Khi bắt quả tang Công an thu giữ các tang vật gồm:

- Tại nơi đánh bạc thu giữ:

- + 52 (năm mươi hai) lá bài tây đã qua sử dụng.
- + 01 (một) bàn nhựa màu xanh kích thước: (40cm x 50cm x 60cm).
- + 06 (sáu) cái ghế bằng nhựa.
- + 01 (một) cái thùng đựng nước đá màu xanh hiệu Duy Tân.
- + 01 (một) cái ca nhựa màu vàng dùng để uống nước.
- + Tiền Việt Nam: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).
- + Dưới gầm bàn nơi đánh bạc thu giữ 52 (năm mươi hai) lá bài tây đã qua sử dụng.
- Thu giữ trên người các đối tượng gồm;
 - + Vũ Thị X thu giữ số tiền: 8.150.000 đồng (tám triệu một trăm năm mươi ngàn đồng). Trong đó: 4.600.000 đồng (bốn triệu sáu trăm ngàn đồng) trong túi áo khoác, trong ông quần thu giữ số tiền 3.550.000 đồng (ba triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).
 - + Vũ Công Đ thu giữ số tiền: 1.940.000 đồng (một triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng).
 - + Lương Duy K thu giữ số tiền: 90.000 đồng (chín mươi ngàn đồng).
 - + Nguyễn Văn B thu giữ số tiền: 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).
 - + Nguyễn Văn H thu giữ số tiền: 1.100.000 đồng (một triệu một trăm ngàn đồng).
 - + Lê Văn H1 thu giữ số tiền: 7.700.000 đồng (bảy triệu bảy trăm ngàn đồng). Trong đó: 6.300.000 đồng (Sáu triệu ba trăm ngàn đồng) trong túi áo, 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm ngàn đồng) trong túi quần.
 - + Nguyễn Văn T thu giữ số tiền: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).
- * Đồng thời thu giữ 04 xe mô tô như sau:
 - 01 xe mô tô biển số 61H2-0553.
 - 01 xe mô tô biển số 61H1-116.27.
 - 01 xe mô tô biển số 61L4-2020.
 - 01 xe mô tô biển số 61L5-2353.

Quá trình điều tra đến nay, hành vi đánh bạc của các đối tượng được xác định như sau:

1. Đối với Nguyễn Văn T: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 20/3/2020, tại quán cà phê của Nguyễn Văn T đã có các vật dụng dùng để đánh bạc gồm: bàn, ghế, 02

bộ bài tây, 01 thùng đựng nước đá, 01 ca nhựa cho các đối tượng gồm: Vũ Thị X, Vũ Công Đ, Lương Duy K, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn H và Lê Văn H1 đánh bài binh xập xám thắng thua bằng tiền. Tụ nào làm cái ăn cả 3 tụ con thì đưa T số tiền 20.000 đồng (hai mươi ngàn đồng). Nguyễn Văn T nhận từ những người tham gia đánh bạc số tiền là 260.000 đồng (hai trăm sáu mươi ngàn đồng). Trong đó: Vũ Công Đ làm cái 01 ván thắng 03 tụ con và mua 01 chai nước yến của T; do không có tiền lẻ nên Đ đưa cho T số tiền 50.000 đồng. Lê Văn H1 làm cái 04 ván thắng 03 tụ con nên đưa cho T số tiền 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng); Nguyễn Văn B làm cái 02 ván thắng 03 tụ con và mua 1 chai nước nên đưa cho T số tiền 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng); Vũ Thị X làm cái 03 ván thắng 03 tụ con nên đưa cho T số tiền 60.000 đồng (sáu mươi ngàn đồng).

2. Đối với Lê Văn H1: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 20/3/2020, H1 điều khiển xe mô tô biển số 61H1-116.27 và mang theo số tiền 6.300.000 đồng (sáu triệu ba trăm ngàn đồng) đi chơi đến quán cà phê Minh T do Nguyễn Văn T làm chủ đề uống cà phê. Tại đây, H1 tham gia đánh bạc dưới hình thức binh xập xám thắng thua bằng tiền cùng với Vũ Thị X, Vũ Công Đ, Lương Duy K, Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn H. H1 tham gia chơi khoảng 20 ván, mỗi ván đặt số tiền từ 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) đến 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), thắng được số tiền 1.800.000 đồng. H1 đã đưa cho Nguyễn Văn T 04 lần với số tiền 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) tiền xâu. Khi bị bắt quả tang Công an thu giữ trên người số tiền 7.700.000 đồng (bảy triệu bảy trăm ngàn đồng) và số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) H1 để trên chiếu bạc. Từ lúc 16 giờ 40 phút, Vũ Công Đ chơi chung tụ với Lê Văn H1 nhưng H1 chơi thì Đ nghỉ và ngược lại nên H1 và Đ không chia tiền thắng thua với nhau.

3. Đối với Vũ Công Đ: Khoảng 16 giờ 40 phút, ngày 20/3/2020, Đ điều khiển xe mô tô biển số 61L5-2353 và mang theo số tiền 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm ngàn đồng) đến quán Cà phê Minh T để uống cà phê. Tại đây, Đ thấy mọi người đang tham gia đánh bạc nên sử dụng 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm ngàn đồng) để đánh bạc. Đ đánh bạc chung tụ với Lê Văn H1. Đ và H1 chung tụ nhưng Đ chơi thì H1 nghỉ và ngược lại nên Đ và H1 không chia tiền thắng thua với nhau. Đ tham gia đánh bạc dưới hình thức binh xập xám thắng thua bằng tiền cùng với Vũ Thị X, Lương Duy K, Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn H. Đ chơi được khoảng 06 đến 08 ván, mỗi ván đặt số tiền từ 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) đến 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), thắng được số tiền 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) và đã đưa cho ông T số tiền 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng); trong đó có tiền xâu 01 ván Đ làm cái thắng 03 nhà số tiền là 20.000 đồng (hai mươi

ngàn đồng) và tiền nước nhưng Đ không có tiền lẻ nên đưa số tiền là 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng) và mua 01 tờ vé số 10.000 đồng (mười ngàn đồng). Khi bị bắt quả tang Công an thu giữ trên người số tiền 1.940.000 đồng (một triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng).

4. Đối với Vũ Thị X: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 20/3/2020, X điều khiển xe mô tô biển số 61L4-2020 và mang theo số tiền 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm ngàn đồng) đến quán cà phê Minh T để uống cà phê. Tại đây, X sử dụng 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng) vào mục đích đánh bạc, số tiền còn lại 4.600.000 đồng (bốn triệu sáu trăm ngàn đồng), X để trong túi áo khoác dùng để đóng tiền hội. Vũ Thị X đánh bạc dưới hình thức binh xập xám được thắng thua bằng tiền cùng với Lê Văn H1, Vũ Công Đ, Lương Duy K, Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn H. X chơi được khoảng 30 ván, mỗi ván đặt số tiền từ 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) đến 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), thắng được số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) và đưa cho ông T 03 lần với số tiền 60.000 đồng (sáu mươi ngàn đồng) tiền xâu và mua 9 tờ vé số 90.000 đồng (chín mươi ngàn đồng). Khi bị bắt quả tang Công an thu giữ trên người số tiền 8.150.000 đồng (tám triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

5. Đối với Nguyễn Văn B: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 20/3/2020, B mang theo số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) đến quán cà phê Minh T để tham gia đánh bạc. Tại đây, Lương Duy K đưa cho B số tiền 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng) để đánh bạc chung tụ với B. B giữ số tiền là 6.800.000 đồng (sáu triệu tám trăm ngàn đồng) để tham gia đánh bạc. B và K đánh bạc dưới hình thức binh xập xám được thua bằng tiền cùng với Lê Văn H1, Vũ Công Đ, Nguyễn Văn H, Vũ Thị X. B chơi được khoảng 20 ván, mỗi ván đặt số tiền từ 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) đến 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), thua số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và đã đưa cho T 02 lần với số tiền 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng); trong đó: 40.000 đồng (bốn mươi ngàn đồng) tiền xâu và 10.000 đồng (mười ngàn đồng) tiền mua nước uống. Khi bị bắt quả tang Công an thu giữ trên người số tiền 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

6. Đối với Lương Duy K: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 20/3/2020, K mang theo số tiền 890.000 đồng (tám trăm chín mươi ngàn đồng) đến quán cà phê Minh T. Tại đây K đưa cho Nguyễn Văn B cầm số tiền 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng) để đánh bạc dưới hình thức binh xập xám thắng thua bằng tiền cùng với Lê Văn H1, Vũ Công Đ, Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn H. K chơi chung tụ với B

được 04 ván, thua số tiền 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng) K đưa cho B. Khi bắt quả tang Công an thu giữ trên người số tiền 90.000 đồng (chín mươi ngàn đồng).

7. Đối với Nguyễn Văn H: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 20/3/2020, H điều khiển xe mô tô biển số 61H2-0553 và mang theo số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến quán cà phê Minh T để uống cà phê. Tại đây, H thấy mọi người đang chơi đánh bài binh xập xám thắng thua bằng tiền nên sử dụng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) vào mục đích đánh bạc. H chơi đánh bạc cùng với Lê Văn H1, Vũ Công Đ, Lương Duy K, Nguyễn Văn B và Vũ Thị X. H chơi được khoảng 12 ván, mỗi ván đặt số tiền từ 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) đến 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), thắng được số tiền 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng). Khi bắt quả tang Công an thu giữ trên người H số tiền 1.100.000 đồng (một triệu một trăm ngàn đồng).

Đối với số tiền Việt Nam 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) thu tại chiếu bạc. Xét thấy, đây là tang vật của vụ án nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền Việt Nam 8.150.000 đồng (tám triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) thu giữ của Vũ Thị X. Xét thấy, số tiền 3.550.000 đồng (ba triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) là tiền X sử dụng vào mục đích đánh bạc nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 4.600.000 đồng (bốn triệu sáu trăm ngàn đồng) là tài sản hợp pháp của X. X không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên đề nghị tuyên trả cho X.

Đối với số tiền Việt Nam 1.940.000 đồng (một triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng) thu giữ của Vũ Công Đ. Xét thấy đây là số tiền Đ sử dụng vào mục đích đánh bạc và tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc nên đề nghị thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền Việt Nam 90.000 đồng (chín mươi ngàn đồng) thu giữ của Lương Duy K. Xét thấy, đây là số tiền K không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên đề nghị tuyên trả lại cho K.

Đối với số tiền Việt Nam 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) thu giữ của Nguyễn Văn B. Xét thấy, đây là số tiền B sử dụng vào mục đích đánh bạc nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền Việt Nam 1.100.000 đồng (một triệu một trăm ngàn đồng) thu giữ của Nguyễn Văn H. Xét thấy, đây là số tiền H sử dụng vào mục đích đánh bạc

và tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc nên đề nghị thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền Việt Nam 7.700.000 đồng (bảy triệu bảy trăm ngàn đồng) thu giữ của Lê Văn H1. Xét thấy, đây là số tiền H1 sử dụng vào mục đích đánh bạc và tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc nên đề nghị thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) thu giữ của Nguyễn Văn T; trong đó có số tiền 260.000 đồng (hai trăm sáu mươi ngàn đồng) là tiền xâu T nhận của các con bạc nên đề nghị tịch thu vào ngân sách Nhà nước. Còn lại số tiền 1.740.000 đồng (một triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng) là tài sản hợp pháp của ông T nên đề nghị tuyên trả lại cho T.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng) và số tiền thu thực tế của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng). Như vậy, tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng).

Đối với 02 bộ bài tây, mỗi bộ bài 52 (năm mươi hai) lá đã qua sử dụng thu giữ tại nơi đánh bạc. Xét thấy, đây là tang vật của vụ án nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) bàn nhựa màu xanh kích thước: (40cm x 50cm x 60cm); 06 (sáu) cái ghế bằng nhựa; 01 (một) cái thùng đựng nước đá màu xanh hiệu Duy Tân; 01 (một) cái ca nhựa màu vàng dùng để uống nước thu giữ tại nơi đánh bạc. Xét thấy; đây là các công cụ mà Nguyễn Văn T chuẩn bị để sử dụng và phục vụ cho việc tham gia đánh bạc nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 61H2-0553 do Nguyễn Văn H là người đứng tên chủ sở hữu. Xét thấy, đây là phương tiện dùng để đi lại, Nguyễn Văn H không sử dụng làm công cụ, phương tiện phục vụ cho việc tham gia đánh bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại cho Nguyễn Văn H.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 61H1-116.27 do ông Lê Văn Muồng, sinh năm 1932, nơi thường trú: ấp A, xã C, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (cha ruột của Lê Văn H1) đứng tên chủ sở hữu. Trước khi mất, ông Muồng tặng cho Lê Văn H1 nhưng không làm thủ tục sang tên. Xét thấy, đây là phương tiện dùng để đi lại, Lê Văn H1 không sử dụng làm công cụ, phương tiện phục vụ cho việc tham gia đánh bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại cho Lê Văn H1.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 61L4-2020 do bà Võ Thị Mỹ T1, sinh năm 1983, nơi thường trú: G156, tổ 25, khu Q, phường I, thành phố J, tỉnh Bình Dương là người đứng tên chủ sở hữu. Năm 2009, bà T1 tặng cho Vũ Thị X nhưng không làm thủ tục sang tên. Xét thấy, đây là phương tiện dùng để đi lại, Vũ Thị X không sử dụng làm công cụ, phương tiện phục vụ cho việc tham gia đánh bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại cho Vũ Thị X.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 61L5-2353 do Vũ Công Đ là người đứng tên chủ sở hữu. Xét thấy, đây là phương tiện dùng để đi lại, Vũ Công Đ không sử dụng làm công cụ, phương tiện phục vụ cho việc tham gia đánh bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại cho Vũ Công Đ.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKSĐT-HS ngày 29/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn H1, Vũ Công Đ, Vũ Thị X, Nguyễn Văn B, Lương Duy K, Nguyễn Văn H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn H1, Vũ Công Đ, Vũ Thị X, Nguyễn Văn B, Lương Duy K, Nguyễn Văn H về tội “đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn H1, Vũ Công Đ, Vũ Thị X, Nguyễn Văn B, Lương Duy K như sau:

Xử phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn T từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Xử phạt tiền đối với bị cáo Lê Văn H1 từ 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) đến 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt tiền đối với bị cáo Vũ Công Đ từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Xử phạt tiền đối với bị cáo Vũ Thị X từ 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) đến 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn B từ 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) đến 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt tiền đối với bị cáo Lương Duy K từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn H từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Đề nghị xử lý vật chứng:

- 104 (một trăm lẻ bốn) lá bài tây là tang vật của vụ án đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) bàn nhựa màu xanh kích thước 40cm x 50cm x 60 cm đây là tang vật của vụ án nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- 06 (sáu) ghế bằng nhựa đây là tang vật của vụ án nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) ca nhựa màu vàng đây là tang vật của vụ án nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn H1, Vũ Công Đ, Vũ Thị X, Nguyễn Văn B, Lương Duy K, Nguyễn Văn H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi đánh bạc của các bị cáo là sai, các bị cáo đã biết lỗi nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo có điều kiện cải tạo làm công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo T, H1, Đ, X, B, K, H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 20/3/2020, tại quán cà phê do bị cáo T làm chủ thuộc ấp A, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương. Các

bị cáo H1, Đ, X, B, K cùng nhau tham gia đánh bạc dưới hình thức dùng loại bài tây 52 (năm mươi hai) lá chia làm 04 (bốn) tụ, mỗi tụ 13 (mười ba) lá, phân làm 03 chi, 02 chi 05 lá, 01 chi 03 lá hình thức đánh bạc là binh xập xám thắng thua bằng tiền mặt, mỗi tụ làm cái một lần, tiền đặt cược mỗi ván các con bạc đặt cược từ 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) đến 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng). Tổng số tiền các bị cáo H1, Đ, X, B, K, H dùng để đánh bạc là 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng). Đối với bị cáo T là người không trực tiếp tham gia đánh bạc cùng với các bị cáo H1, Đ, X, B, K, H nhưng bị cáo T là người trực tiếp thu tiền xâu của các con bạc được số tiền 260.000 đồng (hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

Lời khai nhận của các bị cáo T, H1, Đ, X, B, K, H phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bản Cáo trạng số: 38/CT-VKSDT-HS ngày 29/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn H1, Vũ Công Đ, Vũ Thị X, Nguyễn Văn B, Lương Duy K, Nguyễn Văn H về tội “đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Tình trạng đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới nhiều hình thức là một tệ nạn của xã hội ngày càng tăng và diễn biến phức tạp. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, đây cũng là nguyên nhân kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được Nhà nước nghiêm cấm việc đánh bạc dưới mọi hình thức thắng, thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Đây là vụ án có tính đồng phạm giản đơn, bởi lẽ các bị cáo đều tham gia với vai trò người thực hành, với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét, phân tích vai trò, nhân thân của từng bị cáo để cụ thể hóa trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo:

1. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Bản thân bị cáo không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng tại quán cá phê do bị cáo làm chủ bị cáo để các bị cáo X, Đ, K, B, H, H1 sát phạt nhau bằng hình thức đánh bài binh xập xám thắng thua bằng tiền. Lẽ ra, bị cáo phải ngăn cản hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo nhưng bị cáo lại đồng ý cho các bị cáo dùng các vật dụng có sẵn tại quán như bàn, ghế, 02 bộ bài tây để các bị cáo đánh bạc chỉ vì bị cáo cho rằng các bị cáo trong vụ án là người địa

phương, quen biết, số tiền đánh bạc không lớn. Mục đích của bị cáo chỉ để bán nước giải khát cho các bị cáo khi đánh bạc chứ không nhằm mục đích thu tiền xâu. Mặc dù, giữa bị cáo và các bị cáo khác trong vụ án không có thỏa T1 gì về tiền xâu nhưng khi các bị cáo Đ, H1, B, X đưa tiền xâu thì bị cáo nhận. Tổng số tiền xâu bị cáo T nhận là 260.000 đồng, bị cáo biết được đây là số tiền thu lợi bất chính có được từ việc đánh bạc của các bị cáo nhưng vẫn đồng ý nhận. Vì vậy, bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự chung cùng với các bị cáo Lê Văn H1, Vũ Công Đ, Vũ Thị X, Nguyễn Văn B, Lương Duy K, Nguyễn Văn H.

2. Đối với bị cáo Lê Văn H1: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 20/3/2020, tại quán cà phê của bị cáo T. Bị cáo cùng các bị cáo Đ, X, B, K, H tham gia đánh bạc dưới hình thức binh xập xám thắng thua bằng tiền. Bị cáo dùng số tiền 6.300.000 đồng (sáu triệu ba trăm ngàn đồng) để đánh bạc. Bị cáo H1 chơi khoảng 20 ván, mỗi ván đặt số tiền từ 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) đến 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) thắng được số tiền 1.800.000 đồng.

3. Đối với bị cáo Vũ Công Đ: Khoảng 16 giờ 40 phút, ngày 20/3/2020, bị cáo dùng số tiền 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm ngàn đồng) để đánh bạc. Bị cáo Đ đánh bạc chung tụ với bị cáo H1. Bị cáo Đ tham gia đánh bạc dưới hình thức binh xập xám thắng thua bằng tiền cùng với các bị cáo X, K, B, H. Bị cáo Đ chơi được khoảng 06 đến 08 ván, mỗi ván đặt số tiền từ 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) đến 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) thắng được số tiền 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng).

4. Đối với bị cáo Vũ Thị X: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 20/3/2020, bị cáo X mang theo số tiền 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm ngàn đồng) đến quán nước cà phê do bị cáo T làm chủ để uống cà phê. Tại đây, bị cáo X khởi xướng, lôi kéo các bị cáo đánh bạc và sử dụng 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng) vào mục đích đánh bạc. Bị cáo X đánh bạc dưới hình thức binh xập xám được thắng thua bằng tiền cùng với các bị cáo H1, Đ, K, B, H. Bị cáo X chơi được khoảng 30 ván, mỗi ván đặt số tiền từ 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) đến 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) thắng được số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

5. Đối với bị cáo Nguyễn Văn B: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 20/3/2020, bị cáo B dùng số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) để đánh bạc. Trong lúc đánh bạc bị cáo K đưa cho bị cáo B số tiền 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng) để đánh bạc chung tụ với bị cáo B. Bị cáo B dùng số tiền 6.800.000 đồng (sáu triệu tám trăm ngàn đồng) để đánh bạc. Bị cáo B đánh bạc dưới hình thức binh xập xám được thắng thua bằng tiền cùng với các bị cáo H1, Đ, X, H. Bị cáo B chơi được khoảng 20 ván,

mỗi ván đặt số tiền từ 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) đến 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) thua số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

6. Đối với bị cáo Lương Duy K: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 20/3/2020, bị cáo K mang theo số tiền 890.000 đồng (tám trăm chín mươi ngàn đồng) đến quán cà phê của bị cáo T. Bị cáo K đưa cho bị cáo B số tiền 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng) để đánh bạc dưới hình thức binh xập xám thắng thua bằng tiền cùng với các bị cáo H1, Đ, B, X, H. Bị cáo K chơi chung tụ với bị cáo B được 04 ván, thua số tiền 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng) mà bị cáo K đưa cho bị cáo B.

7. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 20/3/2020, bị cáo mang theo số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến quán nước cà phê của bị cáo T để uống cà phê. Bị cáo H dùng số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) để đánh bạc cùng với các bị cáo H1, Đ, K, B, X. Bị cáo H chơi được khoảng 12 ván, mỗi ván đặt số tiền từ 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) đến 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), thắng được số tiền 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng).

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn H1, Vũ Công Đ, Vũ Thị X, Nguyễn Văn B, Lương Duy K, Nguyễn Văn H đã phạm tội với vai trò đồng phạm gián đơn về tội “Đánh bạc” trong vụ án này. Hành vi của các bị cáo T, H1, Đ, X, B, K, T đã cấu thành tội “đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm xâm phạm trật tự xã hội mà đặc biệt là tội phạm đánh bạc trên địa bàn huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nói riêng và trên phạm vi cả nước nói chung nên cần xử lý các bị cáo T, H1, Đ, X, B, K, H mức hình phạt thật nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm có điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân tốt, cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, H1, Đ, X, B, K, H không có.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn H1, Vũ Công Đ, Vũ Thị X, Nguyễn Văn B, Lương Duy K đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo dùng số tiền đánh bạc không lớn, tiền thu lợi bất chính không lớn đó là những tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ những

phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù có điều kiện đối với các bị cáo mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo nhằm tạo điều kiện để các bị cáo lấy đó làm bài học cho cá nhân từng bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo H có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo dùng số tiền đánh bạc không lớn. Ngoài ra, bị cáo H có cha ruột được Nhà nước phong tặng danh hiệu ‘Huy chương kháng chiến chống mỹ cứu nước’, bà ngoại ruột được nhà nước phong tặng danh hiệu “Mẹ Việt Nam Anh Hùng”, chú ruột, cậu ruột là liệt sĩ. Cá nhân bị cáo H được phong tặng nhiều giấy khen, bằng khen và kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục đó là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo nhằm tạo điều kiện để bị cáo lấy đó làm bài học cho cá nhân bị cáo.

Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng cần áp dụng mức phạt tiền tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo. Đối với bị cáo X là người khởi xướng, lôi kéo các bị cáo tham gia đánh bạc, bị cáo H1, B dùng số tiền đánh bạc lớn hơn các bị cáo Đ, K, H nên cần áp dụng mức phạt tiền nhiều hơn các bị cáo K, Đ, H. Các bị cáo Đ, K, H dùng số tiền đánh bạc không lớn, bị cáo T thu lợi số tiền bất chính không lớn nên cần áp dụng mức phạt tiền ít hơn các bị cáo H1, X, B là phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo.

[7] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt tiền và điều luật đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về vật chứng:

Đối với số tiền Việt Nam 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) thu tại chiếu bạc. Xét thấy, đây là tang vật của vụ án nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền Việt Nam 8.150.000 đồng (tám triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) thu giữ của bị cáo X. Xét thấy, số tiền 3.550.000 đồng (ba triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) là tiền bị cáo X sử dụng vào mục đích đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 4.600.000 đồng (bốn triệu

sáu trăm ngàn đồng) là tài sản hợp pháp của bị cáo X. Bị cáo X không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho bị cáo X.

Đối với số tiền Việt Nam 1.940.000 đồng (một triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng) thu giữ của bị cáo Đ. Xét thấy đây là số tiền bị cáo Đ sử dụng vào mục đích đánh bạc và tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền Việt Nam 90.000 đồng (chín mươi ngàn đồng) thu giữ của bị cáo K. Xét thấy, đây là số tiền bị cáo K không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho bị cáo K.

Đối với số tiền Việt Nam 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) thu giữ của bị cáo B. Xét thấy, đây là số tiền bị cáo B sử dụng vào mục đích đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền Việt Nam 1.100.000 đồng (một triệu một trăm ngàn đồng) thu giữ của bị cáo H. Xét thấy, đây là số tiền bị cáo H sử dụng vào mục đích đánh bạc và tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền Việt Nam 7.700.000 đồng (bảy triệu bảy trăm ngàn đồng) thu giữ của bị cáo H1. Xét thấy, đây là số tiền bị cáo H1 sử dụng vào mục đích đánh bạc và tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) thu giữ của bị cáo T. Trong đó có số tiền 260.000 đồng (hai trăm sáu mươi ngàn đồng) là tiền xâu bị cáo T nhận của các con bạc nên tịch thu vào ngân sách Nhà nước. Số tiền 1.740.000 đồng (một triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng) là tài sản hợp pháp của bị cáo T nên trả lại cho bị cáo T.

Đối với 02 bộ bài tây, mỗi bộ bài 52 (năm mươi hai) lá đã qua sử dụng thu giữ tại nơi đánh bạc. Xét thấy, đây là tang vật của vụ án nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) bàn nhựa màu xanh kích thước: (40cm x 50cm x 60cm); 06 (sáu) cái ghế bằng nhựa; 01 (một) cái thùng đựng nước đá màu xanh hiệu Duy Tân; 01 (một) cái ca nhựa màu vàng dùng để uống nước thu giữ tại nơi đánh bạc. Xét thấy; đây là các công cụ mà các bị cáo T chuẩn bị để sử dụng và phục vụ cho việc đánh bạc nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 61H2-0553 do bị cáo H là người đứng tên chủ sở hữu. Bị cáo H không sử dụng làm công cụ, phương tiện phục vụ cho việc đánh bạc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại cho bị cáo H là phù hợp.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 61H1-116.27 do ông Lê Văn M, sinh năm 1932 (cha ruột của bị cáo Lê Văn H1) đứng tên chủ sở hữu. Trước khi mất, ông M tặng cho bị cáo H1 nhưng không làm thủ tục sang tên. Bị cáo H1 không sử dụng làm công cụ, phương tiện phục vụ cho việc đánh bạc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại cho bị cáo H1 là phù hợp.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 61L4-2020 do bà Võ Thị Mỹ T1, sinh năm 1983, nơi thường trú: G156, tổ 25, khu 2, phường I, thành phố J, tỉnh Bình Dương là người đứng tên chủ sở hữu. Năm 2009, bà T1 tặng cho bị cáo X nhưng không làm thủ tục sang tên. Bị cáo X không sử dụng làm công cụ, phương tiện phục vụ cho việc đánh bạc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại cho bị cáo X là phù hợp.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 61L5-2353 do bị cáo Đ là người đứng tên chủ sở hữu. Bị cáo Đ không sử dụng làm công cụ, phương tiện phục vụ cho việc đánh bạc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại cho bị cáo Đ là phù hợp.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo T, H1, Đ, X, B, K, H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T), Lê Văn H1 (tên gọi khác: H1), Vũ Công Đ, Vũ Thị X, Nguyễn Văn B (tên gọi khác: B), Lương Duy K, Nguyễn Văn H phạm tội “đánh bạc”.

* Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Tuấn) số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn H1 (tên gọi khác: Bảy) số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Vũ Công Đ số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Vũ Thị X số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B (tên gọi khác: B Kỳ) số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Lương Duy K số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu các bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Tuấn), Lê Văn H1 (tên gọi khác: Bảy), Vũ Công Đ, Vũ Thị X, Nguyễn Văn B (tên gọi khác: B Kỳ), Lương Duy K, Nguyễn Văn H không thi hành hình phạt đối với số tiền trên, thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự, tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy:

- 104 (một trăm lẻ bốn) lá bài tây.

- 01 (một) bàn nhựa màu xanh kích thước 40cm x 50cm x 60cm.

- 06 (sáu) ghế băng nhựa (tình trạng vật chứng tại thời điểm giao nhận đã cũ, đã bị hư hỏng).

- 01 (một) thùng nước đá màu xanh hiệu Duy Tân.

- 01 (một) ca nhựa màu vàng dùng để uống nước.

(Các vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương đang quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/7/2020).

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước: Đối với số tiền 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng) các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc được trích từ số tiền 22.630.000 đồng (hai mươi hai triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng). Hiện nộp vào tài khoản số: 3949.0.1045901.00000 ngày 30/6/2020 tại kho bạc Nhà nước huyện Dầu Tiếng. Số tiền còn lại trong tài khoản là 6.430.000 đồng (sáu triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng), tuyên trả cho các bị cáo gồm:

+ Trả cho bị cáo Vũ Thị X số tiền 4.600.000 đồng (bốn triệu sáu trăm ngàn đồng).

+ Trả cho bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T) số tiền 1.740.000 đồng (một triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng).

+ Trả cho bị cáo Lương Duy K số tiền 90.000 đồng (chín mươi ngàn đồng).

4. Về án phí:

+ Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T), Lê Văn H1 (tên gọi khác: H1), Vũ Công Đ, Vũ Thị X, Nguyễn Văn B (tên gọi khác: B), Lương Duy K, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 16/7/2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an H. Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS H. D;
- PV 27-Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Ty